

**DỰ KIẾN DANH SÁCH**  
**Sinh viên được miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2018 - 2019**

**I. MIỄN HỌC PHÍ**

| STT | Mã SV      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|----------------------|------------|-------------|----------------------|
| 1   | 15A5021005 | Cao Thị Anh          | 05/10/1997 | LKT K39     | Con TB-08            |
| 2   | 15A5021023 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh  | 20/10/1997 | LKT K39     | Con TB-08            |
| 3   | 15A5021030 | Phạm Song Biển       | 15/01/1997 | LKT K39     | Con TB-08            |
| 4   | 15A5021034 | Hồ Thị Bường         | 15/05/1996 | LKT K39     | Con TB-08            |
| 5   | 15A5021039 | Arát Chung           | 04/11/1997 | LKT K39     | DT - Hộ nghèo        |
| 6   | 15A5021075 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh   | 17/11/1996 | LKT K39     | Con TB-08            |
| 7   | 15A5021076 | A Moong Hân          | 23/10/1994 | LKT K39     | DT- Hộ cận nghèo     |
| 8   | 15A5021079 | Phan Thị Thúy Hằng   | 13/12/1997 | LKT K39     | Con TB-08            |
| 9   | 15A5021087 | Nguyễn Duy Hiên      | 28/04/1997 | LKT K39     | Tàn tật              |
| 10  | 15A5021090 | Đào Thị Hoài         | 10/06/1996 | LKT K39     | Con TB-08            |
| 11  | 15A5021130 | Trương Thị Hồng Liên | 24/09/1997 | LKT K39     | Con TB-08            |
| 12  | 15A5021148 | Nguyễn Văn Luật      | 25/01/1996 | LKT K39     | Con TB-08            |
| 13  | 15A5021188 | Huỳnh Thị Ý Nhi      | 01/07/1997 | LKT K39     | Con TB-08            |
| 14  | 15A5021216 | Nguyễn Thị Phụng     | 10/07/1997 | LKT K39     | Con TB-08            |
| 15  | 15A5021218 | Hoàng Thị Phương     | 24/04/1997 | LKT K39     | Con TB-08            |
| 16  | 15A5021236 | Triệu Thị Tố Quỳnh   | 05/08/1997 | LKT K39     | DT- Hộ cận nghèo     |
| 17  | 15A5021268 | Cao Thị Ngọc Thủy    | 02/09/1996 | LKT K39     | DT - Hộ nghèo        |
| 18  | 15A5021275 | Nguyễn Thị Thương    | 02/09/1995 | LKT K39     | Con TB-08            |
| 19  | 15A5021285 | Lê Viết Toàn         | 24/06/1996 | LKT K39     | Con mồ côi           |
| 20  | 16A5021009 | Trần Thị Vân Anh     | 05/11/1998 | LKT K40     | Con BB-08            |
| 21  | 16A5021011 | Nghiêm Ngọc Ánh      | 01/05/1998 | LKT K40     | DT- Hộ cận nghèo     |
| 22  | 16A5021032 | Hồ Thị Dịp           | 04/10/1996 | LKT K40     | Con BB-08            |
| 23  | 16A5021065 | Nông Thị Thu Hà      | 01/11/1998 | LKT K40     | DT - Hộ nghèo        |
| 24  | 16A5021066 | Nông Thu Hà          | 18/03/1997 | LKT K40     | DT- Hộ cận nghèo     |
| 25  | 16A5021072 | Hoàng Thị Thúy Hằng  | 16/10/1998 | LKT K40     | Con TB-08            |
| 26  | 16A5021078 | Hà Thị Hiên          | 10/11/1998 | LKT K40     | Con TB-08            |
| 27  | 16A5021122 | Phan Xuân Kháng      | 21/07/1998 | LKT K40     | Con TB-08            |
| 28  | 16A5021160 | Trần Công Lý         | 30/10/1998 | LKT K40     | Con TB-08            |
| 29  | 16A5021229 | Nguyễn Thị Ngọc Oanh | 02/03/1998 | LKT K40     | Con TB-08            |
| 30  | 16A5021263 | Phạm Thị Thanh Thanh | 20/11/1996 | LKT K40     | Con CBHĐKC           |
| 31  | 16A5021284 | Nguyễn Thị Thắm      | 24/01/1998 | LKT K40     | Con mồ côi           |

| STT | Mã SV      | Họ và tên         |            | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|-------------------|------------|------------|-------------|----------------------|
| 32  | 16A5021348 | Nguyễn Thị Ái     | Vân        | 25/10/1997 | LKT K40     | Con TB-08            |
| 33  | 16A5021352 | Phan Thị Ánh      | Vy         | 07/04/1997 | LKT K40     | Con TB-08            |
| 34  | 16A5025001 | Keodouangdavone   | Keovongsa  | 06/05/1996 | LKT K40     | LHS Lào              |
| 35  | 16A5025002 | Phetdavanh        | Chalumluth | 26/01/1996 | LKT K40     | LHS Lào              |
| 36  | 17A5021011 | Phan Tuấn         | Anh        | 26/06/1997 | LKT K41     | Con TB-08            |
| 37  | 17A5021100 | Trần Thị Bích     | Hạnh       | 31/03/1999 | LKT K41     | Con TB-08            |
| 38  | 17A5021144 | Kpă               | Huyên      | 30/04/1999 | LKT K41     | DT- Hộ cận nghèo     |
| 39  | 17A5021158 | Nguyễn Thị        | Hương      | 12/04/1999 | LKT K41     | Con TB-08            |
| 40  | 17A5021209 | Phan Vĩnh         | Long       | 22/12/1998 | LKT K41     | DT - Hộ nghèo        |
| 41  | 17A5021225 | Phan Thị          | Minh       | 20/09/1999 | LKT K41     | Con TB-08            |
| 42  | 17A5021318 | Dương Nữ ý        | Quyên      | 03/05/1999 | LKT K41     | HK Ninh Thuận        |
| 43  | 17A5021370 | Bùi Văn           | Thuần      | 25/08/1999 | LKT K41     | DT - Hộ nghèo        |
| 44  | 17A5021383 | Đặng Thị Minh     | Thư        | 14/06/1998 | LKT K41     | Con TB-08            |
| 45  | 17A5021452 | Ksor Bé           | Vi         | 02/12/1998 | LKT K41     | Con BB-08            |
| 46  | 17A5025001 | Phommasene        | Khannapha  | 31/08/1999 | LKT K41     | LHS Lào              |
| 47  | 18A5021113 | Hồ Văn            | Hang       | 18/01/1999 | LKT K42     | DT - Hộ nghèo        |
| 48  | 18A5021143 | Trần Thị Diệu     | Hằng       | 12/01/2000 | LKT K42     | Con TB-08            |
| 49  | 18A5021255 | Rơ Châm H'        | Liêng      | 12/09/2000 | LKT K42     | DT- Hộ cận nghèo     |
| 50  | 18A5021403 | Trương Hồng       | Phúc       | 02/09/1997 | LKT K42     | HK Ninh Thuận        |
| 51  | 18A5021493 | Hồ Thị            | Thoại      | 04/06/2000 | LKT K42     | Con TB-08            |
| 52  | 18A5021586 | Trần Lê Thanh     | Tùng       | 03/07/2000 | LKT K42     | Con TB-08            |
| 53  | 15A5011002 | Hoàng Thị         | An         | 16/02/1997 | Luật K39    | Con TB-08            |
| 54  | 15A5011016 | Phạm Thị Vân      | Anh        | 16/05/1997 | Luật K39    | Con TB-08            |
| 55  | 15A5011029 | Đinh Thị          | Bình       | 08/09/1997 | Luật K39    | DT- Hộ cận nghèo     |
| 56  | 15A5011034 | H-Liết-           | Byă        | 16/09/1997 | Luật K39    | DT - Hộ nghèo        |
| 57  | 15A5011038 | Trần Thị          | Chằng      | 27/07/1997 | Luật K39    | DT - Hộ nghèo        |
| 58  | 15A5011039 | Nguyễn Minh       | Chiến      | 20/01/1997 | Luật K39    | Con TB-08            |
| 59  | 15A5011051 | Rơ Mah H'         | De         | 10/08/1997 | Luật K39    | DT - Hộ nghèo        |
| 60  | 15A5011063 | Đoàn Văn Phước    | Duy        | 20/10/1997 | Luật K39    | Con TB-08            |
| 61  | 15A5011123 | Nguyễn Ngọc Thanh | Hiền       | 10/12/1997 | Luật K39    | Con TB-08            |
| 62  | 15A5011133 | Nguyễn Thị        | Hiển       | 02/09/1996 | Luật K39    | Con TB-08            |
| 63  | 15A5011140 | Đinh Thị Thu      | Hoài       | 18/11/1997 | Luật K39    | Con TB-08            |
| 64  | 15A5011141 | Đỗ Thanh          | Hoài       | 30/04/1996 | Luật K39    | Con TB-08            |
| 65  | 15A5011150 | Hồ Văn            | Hồi        | 01/02/1995 | Luật K39    | Con TB-08            |
| 66  | 15A5011167 | Hoàng Thị Thu     | Huyền      | 30/12/1996 | Luật K39    | Con TB-08            |
| 67  | 15A5011177 | Hồ Văn            | Huỳnh      | 22/06/1996 | Luật K39    | Con mồ côi           |
| 68  | 15A5011198 | H' Mương          | Knul       | 05/03/1996 | Luật K39    | DT - Hộ nghèo        |
| 69  | 15A5011209 | Hồ Thị            | Liểu       | 15/10/1995 | Luật K39    | Con mồ côi           |
| 70  | 15A5011212 | Dương Thị Diệu    | Linh       | 22/09/1997 | Luật K39    | Con TB-08            |

| STT | Mã SV      | Họ và tên       |                | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm     |
|-----|------------|-----------------|----------------|------------|-------------|--------------------------|
| 71  | 15A5011220 | Lò Văn          | Linh           | 28/01/1997 | Luật K39    | DT - Hộ nghèo            |
| 72  | 15A5011233 | Bhnuóch         | Lịnh           | 21/02/1996 | Luật K39    | Con BB-08                |
| 73  | 15A5011236 | Trần Doãn Hoàng | Long           | 01/02/1996 | Luật K39    | Con TB-08                |
| 74  | 15A5011244 | Hồ Văn          | Lược           | 02/06/1995 | Luật K39    | Con TB-08                |
| 75  | 15A5011284 | Đình Hồng       | Nghĩa          | 25/02/1997 | Luật K39    | DT - Hộ nghèo            |
| 76  | 15A5011309 | Ksor H'         | Nhìn           | 18/12/1996 | Luật K39    | Con TB-08                |
| 77  | 15A5011311 | Hồ Thị          | Nhơn           | 30/07/1997 | Luật K39    | DT - Hộ nghèo            |
| 78  | 15A5011338 | Hồ Văn          | Phong          | 08/08/1996 | Luật K39    | Con TB-08                |
| 79  | 15A5011355 | Phạm Minh       | Phương         | 13/07/1997 | Luật K39    | Con TB-08                |
| 80  | 15A5011366 | Lục Đăng        | Quyển          | 02/06/1997 | Luật K39    | DT - Hộ nghèo            |
| 81  | 15A5011367 | Dương Thị Như   | Quỳnh          | 23/09/1997 | Luật K39    | Con TB-08                |
| 82  | 15A5011411 | Nguyễn Thị Thu  | Thảo           | 16/06/1997 | Luật K39    | Con TB-08                |
| 83  | 15A5011423 | Nguyễn Thị      | Thích          | 12/02/1996 | Luật K39    | DT- Hộ cận nghèo         |
| 84  | 15A5011436 | Hồ Xuân         | Thuận          | 01/05/1995 | Luật K39    | Con TB-08                |
| 85  | 15A5011457 | Lê Hoàng Anh    | Thư            | 19/06/1997 | Luật K39    | Con TB-08                |
| 86  | 15A5012002 | Ngô Thị Mỹ      | Duyên          | 27/07/1996 | Luật K39    | Cử tuyển                 |
| 87  | 15A5012004 | La Lan          | Hậu            | 06/05/1996 | Luật K39    | Cử tuyển                 |
| 88  | 15A5012005 | Đặng Thị        | Huyền          | 07/03/1996 | Luật K39    | Cử tuyển                 |
| 89  | 15A5012006 | Kaso Hờ         | Lam            | 09/05/1996 | Luật K39    | Cử tuyển                 |
| 90  | 15A5012009 | So Thị          | Nhạc           | 14/01/1996 | Luật K39    | Cử tuyển                 |
| 91  | 15A5012010 | Sô Thị          | Thủy           | 16/04/1996 | Luật K39    | Cử tuyển                 |
| 92  | 15A5012011 | Trình Thị Cẩm   | Vân            | 14/01/1995 | Luật K39    | Cử tuyển                 |
| 93  | 15A5014002 | Saisamone       | Khounthavisack | 04/10/1994 | Luật K39    | LHS Lào                  |
| 94  | 15A5015001 | Phenghtong      | Puemmany       | 18/08/1995 | Luật K39    | LHS Lào                  |
| 95  | 15A5015002 | Alix            | Buavongxay     | 11/11/1996 | Luật K39    | LHS Lào                  |
| 96  | 15A5015003 | Kongkham        | Vannachit      | 12/11/1996 | Luật K39    | LHS Lào                  |
| 97  | 15A5015004 | Chanlatda       | Keobounthan    | 02/05/1993 | Luật K39    | LHS Lào                  |
| 98  | 15A5011390 | Phan Huy        | Tài            | 03/03/1997 | Luật K40    | Con TB-08                |
| 99  | 16A5011014 | Phạm Thị Hồng   | Ánh            | 24/10/1998 | Luật K40    | Con BB-08                |
| 100 | 16A5011023 | Trần Thị        | Cam            | 28/08/1996 | Luật K40    | DT- Hộ cận nghèo         |
| 101 | 16A5011026 | Hồ Văn          | Cháu           | 26/03/1998 | Luật K40    | DT - Hộ nghèo            |
| 102 | 16A5011037 | Lê Duy          | Cường          | 01/02/1996 | Luật K40    | Con BB-08                |
| 103 | 16A5011041 | Trần Thị Thùy   | Dân            | 02/02/1998 | Luật K40    | Con TB-08                |
| 104 | 16A5011087 | Trương Thị      | Hậu            | 19/05/1998 | Luật K40    | Khuyết tật, Hộ cận nghèo |
| 105 | 16A5011126 | Võ Thị Thúy     | Hòa            | 22/03/1998 | Luật K40    | Con CBHĐKC               |
| 106 | 16A5011130 | Phùng Hoa Kim   | Huệ            | 21/04/1997 | Luật K40    | DT - Hộ nghèo            |
| 107 | 16A5011138 | Hoàng Thị       | Huyền          | 28/09/1997 | Luật K40    | DT - Hộ nghèo            |
| 108 | 16A5011152 | Kring           | Huon           | 01/04/1994 | Luật K40    | DT - Hộ nghèo            |

| STT | Mã SV      | Họ và tên                       | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|---------------------------------|------------|-------------|----------------------|
| 109 | 16A5011162 | Kpuih H' <b>Khlok</b>           | 11/10/1997 | Luật K40    | DT- Hộ cận nghèo     |
| 110 | 16A5011170 | Hồ Văn <b>Kiểm</b>              | 15/03/1991 | Luật K40    | DT- Hộ cận nghèo     |
| 111 | 16A5011175 | Cầm Thị <b>Lan</b>              | 05/12/1998 | Luật K40    | DT - Hộ nghèo        |
| 112 | 16A5011176 | Lê Thị Hương <b>Lan</b>         | 13/04/1998 | Luật K40    | Con BB-08            |
| 113 | 16A5011190 | Sử Thị Hồng <b>Liều</b>         | 29/05/1997 | Luật K40    | HK Ninh Thuận        |
| 114 | 16A5011213 | Lê Thị <b>Ly</b>                | 17/09/1998 | Luật K40    | Con BB-08            |
| 115 | 16A5011235 | Nguyễn Thị Tuyết <b>Nga</b>     | 25/02/1998 | Luật K40    | Con TB-08            |
| 116 | 16A5011239 | Hồ Thị <b>Nghê</b>              | 12/10/1996 | Luật K40    | DT - Hộ nghèo        |
| 117 | 16A5011270 | Alăng <b>Nóc</b>                | 10/03/1997 | Luật K40    | Con BB-08            |
| 118 | 16A5011278 | Trần Văn <b>Pho</b>             | 15/06/1991 | Luật K40    | Con TB-08            |
| 119 | 16A5011302 | Trương Văn <b>Quốc</b>          | 05/10/1996 | Luật K40    | Con TB-08            |
| 120 | 16A5011325 | Lê Thị <b>Sự</b>                | 25/05/1996 | Luật K40    | DT - Hộ nghèo        |
| 121 | 16A5011349 | Phạm Văn <b>Thâm</b>            | 28/02/1993 | Luật K40    | DT - Hộ nghèo        |
| 122 | 16A5011382 | Bế Thị Thủy <b>Tiên</b>         | 01/01/1998 | Luật K40    | DT - Hộ nghèo        |
| 123 | 16A5011419 | Hoàng Anh <b>Tuấn</b>           | 01/10/1994 | Luật K40    | Con TB-08            |
| 124 | 16A5011445 | Hồ Thị <b>Xót</b>               | 04/03/1994 | Luật K40    | Con TB-08            |
| 125 | 16A5011483 | Phạm Thị <b>Hường</b>           | 04/06/1998 | Luật K40    | Con TB-08            |
| 126 | 16A5011524 | Nguyễn Trung <b>Tín</b>         | 28/02/1995 | Luật K40    | Con TB-08            |
| 127 | 16A5011551 | Đạo Chế Quốc <b>Khánh</b>       | 15/07/1998 | Luật K40    | HK Ninh Thuận        |
| 128 | 16A5011570 | AVô <b>ABôm</b>                 | 01/01/1995 | Luật K40    | DT - Hộ nghèo        |
| 129 | 16A5014011 | Hatdavone <b>Noinaly</b>        | 10/07/1997 | Luật K40    | LHS Lào              |
| 130 | 16A5015001 | Khamsavanh <b>Chanthalangsy</b> | 08/10/1997 | Luật K40    | LHS Lào              |
| 131 | 16A5015002 | Viphaphone <b>Sengmany</b>      | 23/04/1997 | Luật K40    | LHS Lào              |
| 132 | 16A5015003 | Neomy <b>Chanthavon</b>         | 01/01/1997 | Luật K40    | LHS Lào              |
| 133 | 16A5015004 | Thitphachanh <b>Xaiyaseng</b>   | 19/10/1997 | Luật K40    | LHS Lào              |
| 134 | 16A5015005 | Phaisy <b>Khampaserd</b>        | 02/06/1997 | Luật K40    | LHS Lào              |
| 135 | 16A5015006 | Souksavath <b>Thidavanh</b>     | 03/08/1996 | Luật K40    | LHS Lào              |
| 136 | 17A5011054 | Hồ Thị Thanh <b>Chi</b>         | 08/08/1998 | Luật K41    | Con TB-08            |
| 137 | 17A5011058 | Nguyễn Thị <b>Chiêu</b>         | 10/10/1999 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 138 | 17A5011069 | Thanh Viết <b>Cương</b>         | 03/06/1998 | Luật K41    | DT- Hộ cận nghèo     |
| 139 | 17A5011076 | Hồ Văn <b>Đào</b>               | 07/07/1997 | Luật K41    | Con TB-08            |
| 140 | 17A5011080 | Hồ Thị Xuân <b>Diệu</b>         | 21/03/1999 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 141 | 17A5011097 | Ksor <b>H' Duyên</b>            | 25/12/1999 | Luật K41    | DT- Hộ cận nghèo     |
| 142 | 17A5011114 | Phạm Đình <b>Dương</b>          | 22/10/1999 | Luật K41    | Con TB-08            |
| 143 | 17A5011154 | Ksor <b>H'phước</b>             | 20/12/1999 | Luật K41    | DT- Hộ cận nghèo     |
| 144 | 17A5011189 | Hồ Thị Thu <b>Hằng</b>          | 19/07/1999 | Luật K41    | DT- Hộ cận nghèo     |
| 145 | 17A5011202 | Võ Thanh <b>Hiền</b>            | 03/10/1999 | Luật K41    | Con TB-08            |
| 146 | 17A5011222 | Trương Huy <b>Hoàn</b>          | 30/08/1995 | Luật K41    | Con TB-08            |
| 147 | 17A5011233 | Hồ Thị <b>Học</b>               | 26/01/1998 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |

| STT | Mã SV      | Họ và tên         |              | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|-------------------|--------------|------------|-------------|----------------------|
| 148 | 17A5011239 | Nguyễn Trọng      | <b>Huấn</b>  | 30/07/1999 | Luật K41    | Con TB-08            |
| 149 | 17A5011245 | Brôl              | <b>Hum</b>   | 15/05/1997 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 150 | 17A5011276 | Dương Thị         | <b>Hương</b> | 14/05/1999 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 151 | 17A5011297 | Ksor H'           | <b>Khó</b>   | 26/06/1998 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 152 | 17A5011332 | Rah Lan H'        | <b>Lìn</b>   | 20/10/1998 | Luật K41    | DT- Hộ cận nghèo     |
| 153 | 17A5011371 | Lê Văn            | <b>Lôi</b>   | 05/04/1998 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 154 | 17A5011409 | Phạm Thị          | <b>Mận</b>   | 14/12/1999 | Luật K41    | Con BB-08            |
| 155 | 17A5011436 | Ksor H'           | <b>Nga</b>   | 19/11/1998 | Luật K41    | DT- Hộ cận nghèo     |
| 156 | 17A5011443 | Hồ Thị            | <b>Ngã</b>   | 03/04/1999 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 157 | 17A5011498 | Coor              | <b>Nhung</b> | 06/06/1999 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 158 | 17A5011538 | Blúp              | <b>Quân</b>  | 15/02/1999 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 159 | 17A5011546 | Nguyễn Cao        | <b>Quyết</b> | 28/12/1996 | Luật K41    | Con TB-08            |
| 160 | 17A5011552 | La O Thị          | <b>Quý</b>   | 12/07/1998 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 161 | 17A5011556 | Hồ Thị            | <b>Quýt</b>  | 18/08/1998 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 162 | 17A5011574 | Nguyễn Văn        | <b>Sỹ</b>    | 14/05/1999 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 163 | 17A5011580 | Đỗ Như            | <b>Tâm</b>   | 20/10/1998 | Luật K41    | Con TB-08            |
| 164 | 17A5011586 | Siu               | <b>Te</b>    | 11/10/1999 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 165 | 17A5011615 | Nguyễn Tất Hoàng  | <b>Thạch</b> | 18/09/1997 | Luật K41    | Con TB-08            |
| 166 | 17A5011616 | Kpá Hờ            | <b>Thảm</b>  | 27/06/1999 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 167 | 17A5011617 | Phạm Thị          | <b>Thập</b>  | 14/12/1999 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 168 | 17A5011631 | Hồ Thị            | <b>Thiệt</b> | 19/09/1998 | Luật K41    | Con BB-08            |
| 169 | 17A5011633 | Hồ Thị            | <b>Thiu</b>  | 05/10/1998 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 170 | 17A5011637 | La O              | <b>Thoan</b> | 14/09/1998 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 171 | 17A5011641 | Viên Thị          | <b>Thóp</b>  | 26/03/1998 | Luật K41    | Con TB-08            |
| 172 | 17A5011642 | Nguyễn Văn        | <b>Thợ</b>   | 30/04/1999 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 173 | 17A5011643 | Đinh Thị          | <b>Thu</b>   | 10/12/1999 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 174 | 17A5011645 | Lê Thị            | <b>Thu</b>   | 10/03/1999 | Luật K41    | Con BB-08            |
| 175 | 17A5011649 | Phạm Thị          | <b>Thuận</b> | 01/06/1998 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 176 | 17A5011678 | Hồ Thị            | <b>Tiên</b>  | 07/05/1998 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 177 | 17A5011700 | Hồ Thị            | <b>Trang</b> | 19/11/1999 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 178 | 17A5011726 | Nguyễn Thị Phương | <b>Trinh</b> | 14/10/1999 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 179 | 17A5011755 | Lê Sơn            | <b>Tùng</b>  | 23/09/1998 | Luật K41    | Con BB-08            |
| 180 | 17A5011756 | Lê Thanh          | <b>Tùng</b>  | 01/04/1999 | Luật K41    | Con BB-08            |
| 181 | 17A5011763 | Vũ Tiến           | <b>Tư</b>    | 20/12/1997 | Luật K41    | Con BB-08            |
| 182 | 17A5011778 | Alung             | <b>Úc</b>    | 28/03/1999 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 183 | 17A5011796 | Kpă Y             | <b>Vu</b>    | 29/10/1998 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 184 | 17A5011812 | Phú Bình          | <b>Yên</b>   | 05/01/1999 | Luật K41    | HK Ninh Thuận        |
| 185 | 17A5011820 | Đặng Minh         | <b>An</b>    | 20/06/1999 | Luật K41    | DT - Hộ nghèo        |
| 186 | 17A5012002 | La Lan Thị        | <b>Thúy</b>  | 07/08/1995 | Luật K41    | Cử tuyển             |

| STT | Mã SV      | Họ và tên        |                     | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|------------------|---------------------|------------|-------------|----------------------|
| 187 | 17A5012003 | La Thanh         | <b>Ty</b>           | 09/09/1997 | Luật K41    | Cử tuyển             |
| 188 | 17A5015001 | Saphangthong     | <b>Sengphachanh</b> | 08/12/1997 | Luật K41    | LHS Lào              |
| 189 | 17A5015002 | Sinthavong       | <b>Chethsada</b>    | 27/01/1999 | Luật K41    | LHS Lào              |
| 190 | 17A5015003 | Khamvongsa       | <b>Phonephet</b>    | 05/02/1997 | Luật K41    | LHS Lào              |
| 191 | 17A5015004 | Phimmachack      | <b>Sompasone</b>    | 13/12/1999 | Luật K41    | LHS Lào              |
| 192 | 17A5015005 | Neyvilakone      | <b>Khamtan</b>      | 08/07/1995 | Luật K41    | LHS Lào              |
| 193 | 17A5015006 | Vongnorkeo       | <b>Soukmanee</b>    | 29/01/1998 | Luật K41    | LHS Lào              |
| 194 | 17A5015007 | Sylibounlieng    | <b>Soukphanith</b>  | 02/07/1999 | Luật K41    | LHS Lào              |
| 195 | 17A5015008 | Homsombath       | <b>Souksanh</b>     | 08/10/1999 | Luật K41    | LHS Lào              |
| 196 | 17A5015009 | Bouttavong       | <b>Phetdavone</b>   | 28/10/1997 | Luật K41    | LHS Lào              |
| 197 | 18A5011079 | Hồ Thị           | <b>Dẫn</b>          | 14/07/1999 | Luật K42    | Con TB-08            |
| 198 | 18A5011131 | Hồ Văn           | <b>Đẹp</b>          | 15/05/2000 | Luật K42    | DT - Hộ nghèo        |
| 199 | 18A5011152 | A Lăng Thị       | <b>Gái</b>          | 20/05/2000 | Luật K42    | Con TB-08            |
| 200 | 18A5011206 | H'               | <b>Hiên</b>         | 05/11/2000 | Luật K42    | DT- Hộ cận nghèo     |
| 201 | 18A5011216 | Nguyễn Thị Thanh | <b>Hiên</b>         | 22/03/2000 | Luật K42    | Con mồ côi           |
| 202 | 18A5011291 | Võ Văn           | <b>Hùng</b>         | 01/07/2000 | Luật K42    | Con TB-08            |
| 203 | 18A5011315 | Nguyễn Văn       | <b>Khánh</b>        | 12/01/2000 | Luật K42    | Con TB-08            |
| 204 | 18A5011350 | Hồ Thị Xa        | <b>Li</b>           | 16/04/2000 | Luật K42    | DT - Hộ nghèo        |
| 205 | 18A5011355 | H- Giao          | <b>Liêng</b>        | 01/11/2000 | Luật K42    | DT- Hộ cận nghèo     |
| 206 | 18A5011437 | Hồ Thị           | <b>Máy</b>          | 08/03/2000 | Luật K42    | DT- Hộ cận nghèo     |
| 207 | 18A5011443 | Hiên             | <b>Mến</b>          | 16/04/2000 | Luật K42    | DT - Hộ nghèo        |
| 208 | 18A5011456 | Bùi Thị Nhu      | <b>Mì</b>           | 04/07/2000 | Luật K42    | HK Ninh Thuận        |
| 209 | 18A5011469 | Hồ Văn           | <b>Nam</b>          | 15/06/2000 | Luật K42    | DT - Hộ nghèo        |
| 210 | 18A5011495 | Hồ Thị           | <b>Ngoi</b>         | 24/01/2000 | Luật K42    | DT - Hộ nghèo        |
| 211 | 18A5011497 | Đoàn Ngọc Thảo   | <b>Nguyên</b>       | 29/05/2000 | Luật K42    | Con TB-08            |
| 212 | 18A5011514 | Lê Thị Bình      | <b>Nhê</b>          | 23/03/1998 | Luật K42    | DT - Hộ nghèo        |
| 213 | 18A5011532 | Zơ Rum Thị       | <b>Nhị</b>          | 08/12/2000 | Luật K42    | Con BB-08            |
| 214 | 18A5011554 | H- Nhi           | <b>Niê</b>          | 16/06/2000 | Luật K42    | DT- Hộ cận nghèo     |
| 215 | 18A5011580 | Trần Văn         | <b>Phú</b>          | 23/02/2000 | Luật K42    | Con TB-08            |
| 216 | 18A5011581 | Bùi Đình         | <b>Phúc</b>         | 05/09/2000 | Luật K42    | Con TB-08            |
| 217 | 18A5011603 | Trương Thị Như   | <b>Phương</b>       | 14/11/2000 | Luật K42    | Con TB-08            |
| 218 | 18A5011681 | Siu              | <b>Thanh</b>        | 29/06/2000 | Luật K42    | DT- Hộ cận nghèo     |
| 219 | 18A5011825 | Phan Thị Kiều    | <b>Trinh</b>        | 30/06/2000 | Luật K42    | Con TB-08            |
| 220 | 18A5011860 | Dương Thị        | <b>Tú</b>           | 18/06/2000 | Luật K42    | Con mồ côi           |
| 221 | 18A5011904 | Hồ Thị           | <b>Ý</b>            | 10/10/1999 | Luật K42    | DT - Hộ nghèo        |
| 222 | 18A5011919 | Lê Văn           | <b>Hùng</b>         | 22/09/1999 | Luật K42    | Con TB-08            |
| 223 | 18A5014001 | Thepboualy       | <b>Kayyasith</b>    | 04/09/1999 | Luật K42    | LHS Lào              |
| 224 | 18A5014005 | Phoumasavanh     | <b>Phetchinda</b>   | 13/11/1999 | Luật K42    | LHS Lào              |
| 225 | 18A5014007 | Phengphoupha     | <b>Xokxay</b>       | 24/11/1998 | Luật K42    | LHS Lào              |

| STT | Mã SV      | Họ và tên     |                   | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|---------------|-------------------|------------|-------------|----------------------|
| 226 | 18A5015001 | Phongphichith | <b>Chonny</b>     | 27/12/1998 | Luật K42    | LHS Lào              |
| 227 | 18A5015002 | Inthachak     | <b>Khanthaly</b>  | 31/01/1996 | Luật K42    | LHS Lào              |
| 228 | 18A5015003 | Thanounsine   | <b>Olahan</b>     | 10/10/1998 | Luật K42    | LHS Lào              |
| 229 | 18A5015004 | Loungla       | <b>Phannasinh</b> | 28/12/1999 | Luật K42    | LHS Lào              |
| 230 | 18A5015005 | Syhavong      | <b>Phaythoun</b>  | 15/12/1999 | Luật K42    | LHS Lào              |
| 231 | 18A5015006 | Ngotleuxay    | <b>Phetvilay</b>  | 27/11/1999 | Luật K42    | LHS Lào              |
| 232 | 18A5015007 | Sibounmy      | <b>Sitthaida</b>  | 01/05/1999 | Luật K42    | LHS Lào              |
| 233 | 18A5015008 | Sayyasone     | <b>Somchan</b>    | 10/03/2000 | Luật K42    | LHS Lào              |
| 234 | 18A5015009 | Xaignavong    | <b>Somphoen</b>   | 25/09/1998 | Luật K42    | LHS Lào              |
| 235 | 18A5015010 | Keovilay      | <b>Soudchai</b>   | 13/04/1999 | Luật K42    | LHS Lào              |
| 236 | 18A5015011 | Xaiyasone     | <b>Souksavanh</b> | 01/11/1996 | Luật K42    | LHS Lào              |
| 237 | 18A5015012 | Sounivanh     | <b>Ling</b>       | 14/09/1999 | Luật K42    | LHS Lào              |

*(Có 237 sinh viên được miễn học phí)*

## II. GIẢM 70% HỌC PHÍ

|    |            |                 |               |            |         |        |
|----|------------|-----------------|---------------|------------|---------|--------|
| 1  | 15A5021232 | Hồ Thị          | <b>Quế</b>    | 16/05/1996 | LKT K39 | DT-135 |
| 2  | 15A5021262 | Hà Thị          | <b>Thu</b>    | 01/06/1997 | LKT K39 | DT-135 |
| 3  | 15A5021292 | Quách Huyền     | <b>Trang</b>  | 11/04/1997 | LKT K39 | DT-135 |
| 4  | 16A5021040 | Nguyễn Khánh    | <b>Duy</b>    | 24/03/1998 | LKT K40 | DT-135 |
| 5  | 16A5021048 | Trần Văn        | <b>Đền</b>    | 14/03/1996 | LKT K40 | DT-135 |
| 6  | 16A5021085 | Trịnh Văn       | <b>Hiệp</b>   | 22/02/1998 | LKT K40 | DT-135 |
| 7  | 16A5021135 | Vì Ngọc         | <b>Lâm</b>    | 18/12/1997 | LKT K40 | DT-135 |
| 8  | 16A5021147 | Nguyễn Thị Thùy | <b>Linh</b>   | 26/07/1998 | LKT K40 | DT-135 |
| 9  | 16A5021166 | Hồ Văn          | <b>Mẫn</b>    | 16/06/1995 | LKT K40 | DT-135 |
| 10 | 17A5021031 | Hồ Thị          | <b>Cua</b>    | 15/07/1999 | LKT K41 | DT-135 |
| 11 | 17A5021055 | Lô Văn          | <b>Dũng</b>   | 05/06/1998 | LKT K41 | DT-135 |
| 12 | 17A5021076 | Hồ Phạm Thành   | <b>Đức</b>    | 01/07/1999 | LKT K41 | DT-135 |
| 13 | 17A5021111 | Vũ Thị Thanh    | <b>Hằng</b>   | 15/06/1999 | LKT K41 | DT-135 |
| 14 | 17A5021118 | Lê Mạnh         | <b>Hiếu</b>   | 02/09/1998 | LKT K41 | DT-135 |
| 15 | 17A5021174 | Trương Thị Y    | <b>Lan</b>    | 06/08/1999 | LKT K41 | DT-135 |
| 16 | 17A5021175 | Y               | <b>Lan</b>    | 19/09/1999 | LKT K41 | DT-135 |
| 17 | 17A5021215 | Nguyễn Văn      | <b>Lũng</b>   | 03/06/1999 | LKT K41 | DT-135 |
| 18 | 17A5021216 | Lê Thị          | <b>Lương</b>  | 19/08/1998 | LKT K41 | DT-135 |
| 19 | 17A5021286 | Ksor H'         | <b>Nhuong</b> | 12/03/1999 | LKT K41 | DT-135 |
| 20 | 17A5021294 | Hoàng Tiến      | <b>Phúc</b>   | 14/05/1999 | LKT K41 | DT-135 |
| 21 | 17A5021297 | Lý Thị          | <b>Phương</b> | 02/08/1998 | LKT K41 | DT-135 |
| 22 | 17A5021313 | Lương Hồng      | <b>Quân</b>   | 06/11/1999 | LKT K41 | DT-135 |
| 23 | 17A5021385 | Long Thị Minh   | <b>Thư</b>    | 14/02/1998 | LKT K41 | DT-135 |
| 24 | 17A5021398 | Hồ Thanh        | <b>Tiến</b>   | 29/04/1998 | LKT K41 | DT-135 |
| 25 | 17A5021403 | Đinh Thị Hồng   | <b>Trang</b>  | 21/05/1998 | LKT K41 | DT-135 |

| STT | Mã SV      | Họ và tên     |               | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|---------------|---------------|------------|-------------|----------------------|
| 26  | 17A5021434 | Niê Y         | <b>Trường</b> | 11/04/1999 | LKT K41     | DT-135               |
| 27  | 17A5021437 | Nguyễn Văn    | <b>Tuấn</b>   | 03/02/1998 | LKT K41     | DT-135               |
| 28  | 17A5021479 | Phạm Minh     | <b>Chiến</b>  | 16/01/1999 | LKT K41     | DT-135               |
| 29  | 17A5021484 | Kpă           | <b>Glăch</b>  | 23/03/1999 | LKT K41     | DT-135               |
| 30  | 18A5021001 | Ksor Siu      | <b>Alin</b>   | 04/03/2000 | LKT K42     | DT-135               |
| 31  | 18A5021037 | H - Nhiên     | <b>Byă</b>    | 01/06/1999 | LKT K42     | DT-135               |
| 32  | 18A5021144 | Lê Đình       | <b>Hdung</b>  | 25/12/2000 | LKT K42     | DT-135               |
| 33  | 18A5021163 | K'            | <b>Hiều</b>   | 24/08/2000 | LKT K42     | DT-135               |
| 34  | 18A5021194 | Đàm Thị Thu   | <b>Hồng</b>   | 13/05/2000 | LKT K42     | DT-135               |
| 35  | 18A5021215 | Lê Mạnh       | <b>Hùng</b>   | 26/12/2000 | LKT K42     | DT-135               |
| 36  | 18A5021230 | Lê Thị Uyên   | <b>Kha</b>    | 03/06/2000 | LKT K42     | DT-135               |
| 37  | 18A5021259 | Chu Thị Hoài  | <b>Linh</b>   | 19/04/2000 | LKT K42     | DT-135               |
| 38  | 18A5021293 | Lý Thị        | <b>Luyến</b>  | 10/10/2000 | LKT K42     | DT-135               |
| 39  | 18A5021305 | Hồ Thị Tuyết  | <b>Mai</b>    | 18/09/2000 | LKT K42     | DT-135               |
| 40  | 18A5021341 | Phạm Thanh    | <b>Ngân</b>   | 20/03/2000 | LKT K42     | DT-135               |
| 41  | 18A5021352 | Trần Thị Minh | <b>Nguyệt</b> | 28/05/2000 | LKT K42     | DT-135               |
| 42  | 18A5021410 | Siu           | <b>Phuong</b> | 16/10/1999 | LKT K42     | DT-135               |
| 43  | 18A5021455 | Brao Thị      | <b>Thành</b>  | 13/02/2000 | LKT K42     | DT-135               |
| 44  | 18A5021465 | Kpă Y         | <b>Thải</b>   | 18/08/2000 | LKT K42     | DT-135               |
| 45  | 18A5021467 | Lô Thị Thu    | <b>Thảo</b>   | 19/10/2000 | LKT K42     | DT-135               |
| 46  | 18A5021523 | Ksor          | <b>Thương</b> | 06/08/1999 | LKT K42     | DT-135               |
| 47  | 18A5021530 | Hồ Thị        | <b>Tiêng</b>  | 11/01/1999 | LKT K42     | DT-135               |
| 48  | 18A5021546 | Trần Anh      | <b>Trào</b>   | 11/03/2000 | LKT K42     | DT-135               |
| 49  | 18A5021623 | H' Na Buôn    | <b>Yă</b>     | 27/03/2000 | LKT K42     | DT-135               |
| 50  | 14A5011214 | Lê Thị        | <b>Linh</b>   | 28/12/1995 | Luật K39    | DT-135               |
| 51  | 15A5011001 | H Riam        | <b>Adrông</b> | 10/03/1997 | Luật K39    | DT-135               |
| 52  | 15A5011041 | RahLan        | <b>Chiến</b>  | 20/09/1997 | Luật K39    | DT-135               |
| 53  | 15A5011057 | Hồ Văn        | <b>Dí</b>     | 17/07/1997 | Luật K39    | DT-135               |
| 54  | 15A5011089 | Hồ Thị        | <b>Giang</b>  | 15/05/1997 | Luật K39    | DT-135               |
| 55  | 15A5011097 | Vy Thị        | <b>Hà</b>     | 11/04/1996 | Luật K39    | DT-135               |
| 56  | 15A5011183 | A Rét Thị     | <b>Hương</b>  | 10/06/1996 | Luật K39    | DT-135               |
| 57  | 15A5011184 | Hồ Thanh      | <b>Hương</b>  | 27/04/1995 | Luật K39    | DT-135               |
| 58  | 15A5011189 | Hồ Văn        | <b>Inh</b>    | 24/06/1996 | Luật K39    | DT-135               |
| 59  | 15A5011205 | Hồ Thị Mỹ     | <b>Lệ</b>     | 14/04/1996 | Luật K39    | DT-135               |
| 60  | 15A5011208 | Hồ Thị Kim    | <b>Liên</b>   | 06/09/1996 | Luật K39    | DT-135               |
| 61  | 15A5011210 | Bùi Thuỳ      | <b>Linh</b>   | 18/02/1997 | Luật K39    | DT-135               |
| 62  | 15A5011260 | Hồ Văn        | <b>Mười</b>   | 02/09/1996 | Luật K39    | DT-135               |
| 63  | 15A5011271 | Lộc Thị       | <b>Na</b>     | 17/12/1996 | Luật K39    | DT-135               |
| 64  | 15A5011275 | Hồ Văn        | <b>Nanh</b>   | 16/08/1996 | Luật K39    | DT-135               |

| STT | Mã SV      | Họ và tên         |               | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|-------------------|---------------|------------|-------------|----------------------|
| 65  | 15A5011276 | Y                 | <b>Năng</b>   | 08/05/1997 | Luật K39    | DT-135               |
| 66  | 15A5011293 | Ksor Hờ           | <b>Nguyệt</b> | 25/05/1997 | Luật K39    | DT-135               |
| 67  | 15A5011307 | Quách Thị Dung    | <b>Nhi</b>    | 03/07/1996 | Luật K39    | DT-135               |
| 68  | 15A5011313 | Hồ Văn            | <b>Nhớ</b>    | 22/06/1997 | Luật K39    | DT-135               |
| 69  | 15A5011377 | Hồ Thị            | <b>Sanh</b>   | 11/10/1995 | Luật K39    | DT-135               |
| 70  | 15A5011404 | Hồ Thị Phương     | <b>Thảo</b>   | 25/10/1996 | Luật K39    | DT-135               |
| 71  | 15A5011444 | Nguyễn Thị Phương | <b>Thúy</b>   | 04/09/1996 | Luật K39    | DT-135               |
| 72  | 15A5011474 | Đinh Thị          | <b>Trang</b>  | 10/10/1997 | Luật K39    | DT-135               |
| 73  | 15A5011519 | Phạm Thị          | <b>Tý</b>     | 05/11/1997 | Luật K39    | DT-135               |
| 74  | 16A5011002 | Hồ Văn            | <b>An</b>     | 03/08/1995 | Luật K40    | DT-135               |
| 75  | 16A5011034 | Phạm Tấn          | <b>Công</b>   | 21/03/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 76  | 16A5011036 | Rmah H'           | <b>Cúc</b>    | 08/12/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 77  | 16A5011073 | Rcom              | <b>H'gưn</b>  | 23/04/1997 | Luật K40    | DT-135               |
| 78  | 16A5011108 | Nguyễn Đắc        | <b>Hình</b>   | 07/06/1996 | Luật K40    | DT-135               |
| 79  | 16A5011109 | Rơ Mah H'         | <b>Hoà</b>    | 01/01/1997 | Luật K40    | DT-135               |
| 80  | 16A5011111 | Nay Hờ            | <b>Hoài</b>   | 10/10/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 81  | 16A5011115 | Ploong Thị        | <b>Hoài</b>   | 18/12/1997 | Luật K40    | DT-135               |
| 82  | 16A5011129 | Hoàng Thị         | <b>Huế</b>    | 18/11/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 83  | 16A5011131 | Đoàn Ngọc         | <b>Huy</b>    | 31/12/1997 | Luật K40    | DT-135               |
| 84  | 16A5011135 | Phạm Quốc         | <b>Huy</b>    | 15/09/1997 | Luật K40    | DT-135               |
| 85  | 16A5011166 | Hồ Thị            | <b>Kiều</b>   | 27/12/1997 | Luật K40    | DT-135               |
| 86  | 16A5011196 | Kpuih H'          | <b>Linh</b>   | 20/08/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 87  | 16A5011198 | Ngô Thùy          | <b>Linh</b>   | 18/07/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 88  | 16A5011210 | ALăng             | <b>Lợi</b>    | 06/02/1996 | Luật K40    | DT-135               |
| 89  | 16A5011228 | Alê Ri            | <b>Na</b>     | 26/12/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 90  | 16A5011240 | Nguyễn Thị Thanh  | <b>Nghỉ</b>   | 06/12/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 91  | 16A5011244 | Hồ Thị Thảo       | <b>Nguyên</b> | 21/05/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 92  | 16A5011250 | Rmah H'           | <b>Nhang</b>  | 05/03/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 93  | 16A5011264 | Y                 | <b>Nhung</b>  | 03/05/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 94  | 16A5011277 | Kpă H'            | <b>Pa</b>     | 02/06/1997 | Luật K40    | DT-135               |
| 95  | 16A5011296 | R' Ô H'           | <b>Puin</b>   | 13/10/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 96  | 16A5011306 | Triệu Thị Lệ      | <b>Quyên</b>  | 22/01/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 97  | 16A5011319 | Trần Văn          | <b>Sinh</b>   | 23/12/1994 | Luật K40    | DT-135               |
| 98  | 16A5011321 | Hoàng Thị         | <b>Sun</b>    | 26/10/1996 | Luật K40    | DT-135               |
| 99  | 16A5011323 | Y                 | <b>Sửu</b>    | 19/05/1997 | Luật K40    | DT-135               |
| 100 | 16A5011348 | Y                 | <b>Thảo</b>   | 12/06/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 101 | 16A5011350 | Lương Thị         | <b>Thắm</b>   | 02/10/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 102 | 16A5011357 | Lê Mo Thị         | <b>Thoa</b>   | 10/05/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 103 | 16A5011358 | Hồ Thị            | <b>Thơm</b>   | 06/12/1997 | Luật K40    | DT-135               |

| STT | Mã SV      | Họ và tên                   | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|-----------------------------|------------|-------------|----------------------|
| 104 | 16A5011371 | Bhát Thị Hoài <b>Thương</b> | 20/09/1997 | Luật K40    | DT-135               |
| 105 | 16A5011397 | Lý Hà <b>Trang</b>          | 30/05/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 106 | 16A5011477 | Hoàng Thị <b>Huệ</b>        | 25/08/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 107 | 16A5011494 | Đình Văn <b>Nam</b>         | 14/02/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 108 | 16A5011532 | Nông Phúc <b>Hiền</b>       | 24/01/1996 | Luật K40    | DT-135               |
| 109 | 16A5011537 | Triệu Thị Thanh <b>Thảo</b> | 23/08/1998 | Luật K40    | DT-135               |
| 110 | 17A5011049 | H Mai <b>Byă</b>            | 03/06/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 111 | 17A5011078 | Phạm Văn <b>Diên</b>        | 21/05/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 112 | 17A5011088 | Rơ Lan <b>Dung</b>          | 10/10/1998 | Luật K41    | DT-135               |
| 113 | 17A5011116 | Hồ Thị <b>Dừa</b>           | 30/04/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 114 | 17A5011117 | Ksor <b>H' Dao</b>          | 15/05/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 115 | 17A5011151 | Nguyễn Bế <b>Giáp</b>       | 05/09/1998 | Luật K41    | DT-135               |
| 116 | 17A5011152 | Ksor H' <b>Greo</b>         | 13/04/1997 | Luật K41    | DT-135               |
| 117 | 17A5011156 | Đình Thị <b>Hà</b>          | 05/10/1998 | Luật K41    | DT-135               |
| 118 | 17A5011171 | Hồ Thanh <b>Hải</b>         | 11/12/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 119 | 17A5011181 | Hồ Thị ái <b>Hậu</b>        | 15/11/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 120 | 17A5011196 | Y Lê <b>Hiêng</b>           | 10/03/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 121 | 17A5011209 | Ka <b>Hiệu</b>              | 01/03/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 122 | 17A5011211 | Đình Thị <b>Hoa</b>         | 04/04/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 123 | 17A5011221 | Phạm Thị <b>Hoài</b>        | 12/02/1998 | Luật K41    | DT-135               |
| 124 | 17A5011223 | Hồ Văn <b>Hoàng</b>         | 26/12/1996 | Luật K41    | DT-135               |
| 125 | 17A5011224 | Nguyễn Khánh <b>Hoàng</b>   | 22/10/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 126 | 17A5011229 | Ksor H' <b>Hoem</b>         | 10/06/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 127 | 17A5011240 | Nguyễn Trọng <b>Huân</b>    | 26/09/1998 | Luật K41    | DT-135               |
| 128 | 17A5011244 | Triệu Thị <b>Huệ</b>        | 03/11/1998 | Luật K41    | DT-135               |
| 129 | 17A5011267 | Siu H' <b>Huynh</b>         | 12/05/1998 | Luật K41    | DT-135               |
| 130 | 17A5011269 | Rcom Y Phi <b>Hùng</b>      | 05/03/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 131 | 17A5011274 | Phan Thành <b>Hưng</b>      | 08/03/1998 | Luật K41    | DT-135               |
| 132 | 17A5011284 | H' Rum Ba Niê <b>Kdăm</b>   | 01/06/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 133 | 17A5011285 | Đình Thị <b>Kem</b>         | 06/03/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 134 | 17A5011303 | Siu <b>Kiên</b>             | 30/04/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 135 | 17A5011325 | Lê Thị <b>Lệ</b>            | 01/01/1997 | Luật K41    | DT-135               |
| 136 | 17A5011342 | Hồ Thị Mai <b>Linh</b>      | 21/10/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 137 | 17A5011362 | Hồ Văn <b>Liu</b>           | 21/07/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 138 | 17A5011387 | Nguyễn Văn <b>Lương</b>     | 01/10/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 139 | 17A5011401 | Đình Thị Hương <b>Lý</b>    | 02/04/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 140 | 17A5011417 | Y <b>Minh</b>               | 06/10/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 141 | 17A5011418 | H' Dinh <b>Mlô</b>          | 21/08/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 142 | 17A5011435 | Hồ Thị <b>Nga</b>           | 30/11/1999 | Luật K41    | DT-135               |

| STT | Mã SV      | Họ và tên   |              | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|-------------|--------------|------------|-------------|----------------------|
| 143 | 17A5011450 | Nguyễn Công | <b>Nghị</b>  | 17/10/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 144 | 17A5011474 | Đình Văn    | <b>Nhân</b>  | 29/05/1998 | Luật K41    | DT-135               |
| 145 | 17A5011517 | Kpă         | <b>Phát</b>  | 21/09/1998 | Luật K41    | DT-135               |
| 146 | 17A5011524 | Y           | <b>Phụng</b> | 09/07/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 147 | 17A5011564 | Niê Y       | <b>Sắp</b>   | 05/07/1998 | Luật K41    | DT-135               |
| 148 | 17A5011566 | Phạm Văn    | <b>Sênh</b>  | 13/10/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 149 | 17A5011567 | Đình Văn    | <b>Son</b>   | 11/04/1998 | Luật K41    | DT-135               |
| 150 | 17A5011594 | Bạch Xuân   | <b>Thao</b>  | 19/11/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 151 | 17A5011607 | Long Thị    | <b>Thảo</b>  | 02/07/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 152 | 17A5011716 | Đình Thị    | <b>Trâm</b>  | 29/10/1998 | Luật K41    | DT-135               |
| 153 | 17A5011722 | Đình Thị    | <b>Trinh</b> | 11/03/1998 | Luật K41    | DT-135               |
| 154 | 17A5011726 | Bùi Nguyễn  | <b>Hoàng</b> | 18/05/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 155 | 17A5011729 | Rơ Châm     | <b>Trinh</b> | 05/08/1997 | Luật K41    | DT-135               |
| 156 | 17A5011743 | Đoàn Văn    | <b>Tuấn</b>  | 01/11/1997 | Luật K41    | DT-135               |
| 157 | 17A5011753 | Siu H'      | <b>Tuyệt</b> | 15/03/1998 | Luật K41    | DT-135               |
| 158 | 17A5011762 | Nguyễn Hoài | <b>Tư</b>    | 02/12/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 159 | 17A5011770 | Luân Thị    | <b>Uyên</b>  | 22/02/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 160 | 17A5011775 | Kpă H'      | <b>Uynh</b>  | 16/04/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 161 | 17A5011826 | Bùi Nguyễn  | <b>Hoàng</b> | 18/05/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 162 | 17A5011835 | Tô Thị Minh | <b>Ngọc</b>  | 26/09/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 163 | 17A5011845 | Hồ Thị      | <b>Trang</b> | 18/10/1999 | Luật K41    | DT-135               |
| 164 | 17A5021327 | Nguyễn Y    | <b>Sam</b>   | 21/07/1999 | Luật K42    | DT-135               |
| 165 | 17A5021473 | Đình Thị    | <b>Yên</b>   | 16/08/1998 | Luật K41    | DT-135               |
| 166 | 18A5011029 | Nay H'      | <b>Âm</b>    | 18/10/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 167 | 18A5011053 | Zorâm       | <b>Chên</b>  | 12/01/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 168 | 18A5011082 | La Thị Kiều | <b>Diễm</b>  | 02/02/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 169 | 18A5011090 | Bùi Thị     | <b>Dung</b>  | 24/06/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 170 | 18A5011093 | Nguyễn Thị  | <b>Dung</b>  | 13/02/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 171 | 18A5011125 | Hồ Tiến     | <b>Đạt</b>   | 13/10/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 172 | 18A5011134 | Lê Khắc     | <b>Định</b>  | 22/07/1998 | Luật K42    | DT-135               |
| 173 | 18A5011141 | Trần Hữu    | <b>Đồng</b>  | 20/04/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 174 | 18A5011166 | Đình Ngọc   | <b>Hà</b>    | 26/09/1999 | Luật K42    | DT-135               |
| 175 | 18A5011190 | Phạm Thị    | <b>Hàng</b>  | 21/02/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 176 | 18A5011214 | Nguyễn Thị  | <b>Hiên</b>  | 27/08/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 177 | 18A5011244 | Đình Huy    | <b>Hoàng</b> | 29/05/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 178 | 18A5011260 | Huỳnh Thị   | <b>Hồng</b>  | 11/04/1997 | Luật K42    | DT-135               |
| 179 | 18A5011261 | Ksor        | <b>Hồng</b>  | 08/09/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 180 | 18A5011288 | Ksor        | <b>Huynh</b> | 14/02/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 181 | 18A5011292 | Bùi Ngọc    | <b>Hung</b>  | 03/12/2000 | Luật K42    | DT-135               |

| STT | Mã SV      | Họ và tên               | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|-------------------------|------------|-------------|----------------------|
| 182 | 18A5011306 | Nay - H'ien             | 17/11/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 183 | 18A5011307 | Ksor H' Juh             | 26/12/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 184 | 18A5011309 | Y Rêmi Niê Kdăm         | 12/11/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 185 | 18A5011311 | Alăng Kha               | 28/04/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 186 | 18A5011319 | Hồ Thị Khâu             | 19/10/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 187 | 18A5011320 | Đình Văn Khiêm          | 27/04/1999 | Luật K42    | DT-135               |
| 188 | 18A5011323 | Arát Khôi               | 19/03/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 189 | 18A5011345 | Đình Thị Mỹ Lệ          | 06/07/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 190 | 18A5011419 | Hồ Thị Hoàng Luyện      | 12/09/1999 | Luật K42    | DT-135               |
| 191 | 18A5011420 | Kpă H' Lúy              | 19/08/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 192 | 18A5011424 | Đình Y Hương Ly         | 16/10/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 193 | 18A5011478 | Ksor H' Năng            | 01/01/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 194 | 18A5011530 | Ka Nhị                  | 04/07/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 195 | 18A5011531 | Phạm Văn Nhị            | 23/03/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 196 | 18A5011535 | A Viết Thị Phương Nhung | 17/03/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 197 | 18A5011538 | Hồ Thị Nhung            | 26/02/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 198 | 18A5011555 | Y- Lizen Niê            | 16/11/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 199 | 18A5011557 | Đình Thị Nuôi           | 04/03/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 200 | 18A5011565 | Nguyễn Thị Hồng Oanh    | 19/08/1999 | Luật K42    | DT-135               |
| 201 | 18A5011572 | Nay H' Phương           | 15/06/1999 | Luật K42    | DT-135               |
| 202 | 18A5011575 | Lương Quốc Phong        | 08/04/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 203 | 18A5011584 | Hồ Công Phúc            | 05/04/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 204 | 18A5011590 | Phan Trọng Phúc         | 15/12/1999 | Luật K42    | DT-135               |
| 205 | 18A5011605 | Hoàng Thị Phụng         | 06/09/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 206 | 18A5011612 | Hồ Ra Pít               | 20/12/1999 | Luật K42    | DT-135               |
| 207 | 18A5011613 | Alăng Quang             | 05/09/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 208 | 18A5011654 | Phạm Văn Sô             | 21/08/1996 | Luật K42    | DT-135               |
| 209 | 18A5011689 | Alăng Thách             | 17/05/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 210 | 18A5011729 | Hồ Thị Thị              | 28/02/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 211 | 18A5011738 | Rơ Châm H' Thơ          | 10/10/1999 | Luật K42    | DT-135               |
| 212 | 18A5011756 | Lê Thị Thanh Thủy       | 04/10/1999 | Luật K42    | DT-135               |
| 213 | 18A5011761 | Tơ Ngôi Thủy            | 02/09/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 214 | 18A5011766 | Đình Thị Thương         | 10/07/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 215 | 18A5011767 | Ksor Thương             | 09/09/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 216 | 18A5011774 | Dương Minh Thưởng       | 04/12/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 217 | 18A5011775 | H ving Hờ Tiên          | 17/12/1999 | Luật K42    | DT-135               |
| 218 | 18A5011788 | Nguyễn Thanh Tôn        | 05/10/1999 | Luật K42    | DT-135               |
| 219 | 18A5011794 | Lộc Thị Trang           | 10/03/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 220 | 18A5011800 | Nông Thị Thu Trang      | 26/07/2000 | Luật K42    | DT-135               |

| STT | Mã SV      | Họ và tên                  | Ngày sinh  | Khóa, ngành | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|------------|----------------------------|------------|-------------|----------------------|
| 221 | 18A5011808 | Phạm Thị Thu <b>Trái</b>   | 20/06/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 222 | 18A5011809 | Bùi Đình Quỳnh <b>Trâm</b> | 01/11/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 223 | 18A5011813 | Phạm Thị <b>Triêm</b>      | 14/10/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 224 | 18A5011826 | Puih <b>Trình</b>          | 24/12/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 225 | 18A5011851 | Tô Thị Kim <b>Tuyến</b>    | 27/07/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 226 | 18A5011859 | Phạm Văn <b>Tùng</b>       | 12/11/1999 | Luật K42    | DT-135               |
| 227 | 18A5011862 | Pơ Loong <b>Tú</b>         | 23/03/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 228 | 18A5011866 | Nguyễn Ngọc <b>Tường</b>   | 05/10/1999 | Luật K42    | DT-135               |
| 229 | 18A5011884 | Phạm Thị <b>Viên</b>       | 03/09/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 230 | 18A5011885 | Hồ Thị <b>Viết</b>         | 18/07/1999 | Luật K42    | DT-135               |
| 231 | 18A5011890 | Hồ Thị <b>Vông</b>         | 10/10/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 232 | 18A5011898 | Alăng <b>Xuân</b>          | 10/09/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 233 | 18A5011924 | Y <b>Lim</b>               | 20/03/2000 | Luật K42    | DT-135               |
| 234 | 18A5021258 | Đinh Thị <b>Hồng</b>       | 26/03/1999 | Luật K42    | DT-135               |

(Có 234 sinh viên được giảm 70% học phí)

### III. GIẢM 50% HỌC PHÍ

|   |            |                 |              |            |          |            |
|---|------------|-----------------|--------------|------------|----------|------------|
| 1 | 15A5021287 | Đặng Thị Thu    | <b>Trang</b> | 07/12/1997 | LKT K39  | Con CBTNLĐ |
| 2 | 15A5021304 | Nguyễn Văn      | <b>Tuấn</b>  | 10/08/1997 | LKT K39  | Con CBTNLĐ |
| 3 | 16A5021019 | Nguyễn Thị Linh | <b>Chi</b>   | 01/01/1998 | LKT K40  | Con CBTNLĐ |
| 4 | 15A5011103 | Trần Thị Khánh  | <b>Hạ</b>    | 16/06/1997 | Luật K39 | Con CBTNLĐ |
| 5 | 16A5011229 | Mai Thị Lê      | <b>Na</b>    | 10/11/1998 | Luật K40 | Con CBTNLĐ |
| 6 | 16A5011542 | Phạm Hoài       | <b>Bảo</b>   | 08/01/1997 | Luật K40 | Con CBTNLĐ |
| 7 | 16A5011557 | Nguyễn Tấn      | <b>Sang</b>  | 10/11/1996 | Luật K40 | Con CBTNLĐ |
| 8 | 17A5011143 | Hoàng Thị Trà   | <b>Giang</b> | 25/12/1999 | Luật K41 | Con CBTNLĐ |
| 9 | 18A5011011 | Ma Thị Hồng     | <b>Anh</b>   | 01/05/2000 | Luật K42 | Con CBTNLĐ |

*(Có 09 sinh viên được giảm 50% học phí)*